



SAMSUNG

Điều hòa không khí cục bộ thương mại

Dòng một chiều lạnh - R32



Về Samsung

Chúng tôi tạo ra những khả năng mới để đáp ứng nhu cầu của con người **toàn cầu ngày nay**

Kể từ khi giới thiệu điều hòa không khí đầu tiên vào năm 1974, Samsung đã cam kết cung cấp các đổi mới tiên tiến trong các sáng kiến về khí hậu. Từ việc đáp ứng nhu cầu làm mát hiện đại đến kết nối WiFi thông minh và tích hợp AI, Samsung tiếp tục đẩy lùi giới hạn - cách mạng hóa điều hòa không khí với thiết kế nổi bật, hiệu suất cao và độ tin cậy bền bỉ

Mục lục

4 Giới thiệu chung

6 Dàn nóng



14 Cassette 1 hướng WindFree™



20 Cassette 4 hướng WindFree™



26 Cassette tròn



32 Giấu trần nổi ống gió



38 Áp trần



Tiên phong về thiết kế

Dòng sản phẩm điều hòa không khí cục bộ thương mại mới (CAC) của Samsung mang lại giải pháp làm mát thông minh, yên tĩnh và linh hoạt hơn cho mọi không gian từ nhà ở đến khách sạn và văn phòng. Được thiết kế với hiệu suất năng lượng cao làm trọng tâm, giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận hành đồng thời hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững lâu dài.



Thiết kế hướng tới sự thoải mái, hiệu suất cao và hài hòa thẩm mỹ, dòng CAC của Samsung đáp ứng mọi nhu cầu làm mát của doanh nghiệp.



Làm lạnh thông minh

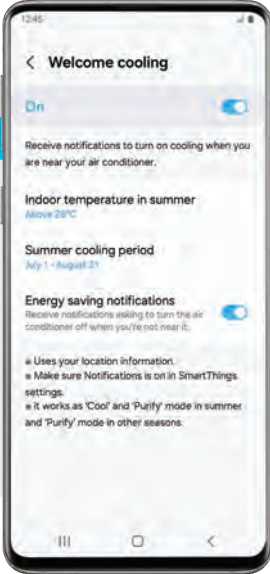
Nhờ tính năng Wi-Fi tích hợp sẵn, hệ thống kết nối liền mạch với ứng dụng Samsung SmartThings*, không cần mô đun rời bổ sung. Điều khiển máy điều hòa từ xa, tự động hóa cài đặt và nhận cập nhật thời gian thực về hiệu suất của hệ thống, tất cả trong một ứng dụng. Để tăng thêm sự tiện lợi, ứng dụng cũng hỗ trợ điều khiển bằng giọng nói để có trải nghiệm tiện lợi hơn.

*Có sẵn trên thiết bị Android và iOS. Cần kết nối Wi-Fi và tài khoản Samsung

Chế độ Welcome Cooling

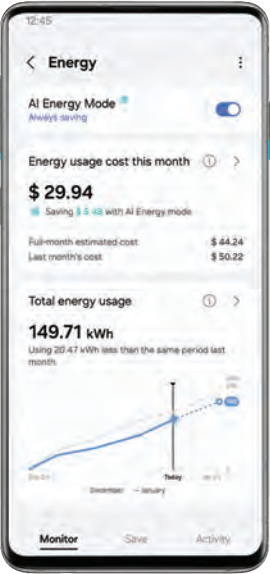
Đến với làn gió mát lạnh mỗi lần bật. Chế độ Welcome Cooling trực quan theo dõi vị trí của bạn thông qua GPS trên điện thoại thông minh* và tự động kích hoạt máy lạnh đến nhiệt độ và chế độ ưa thích của bạn

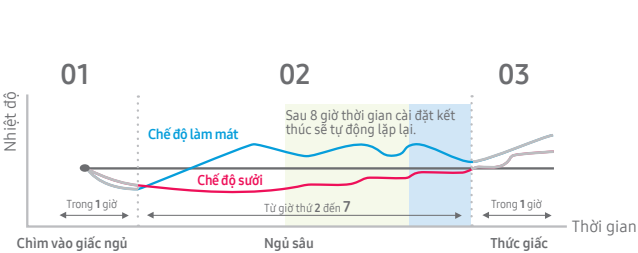
*Chức năng này có thể bị ảnh hưởng bởi điều kiện GPS.



Chế độ năng lượng AI

Chế độ năng lượng AI SmartThings giúp giảm chi phí năng lượng và lượng khí thải carbon bằng cách phân tích thói quen sử dụng và các yếu tố bên ngoài để tối ưu hóa hiệu suất, giảm tiêu thụ điện năng lên đến 20%.





Chế độ cho giấc ngủ ngon

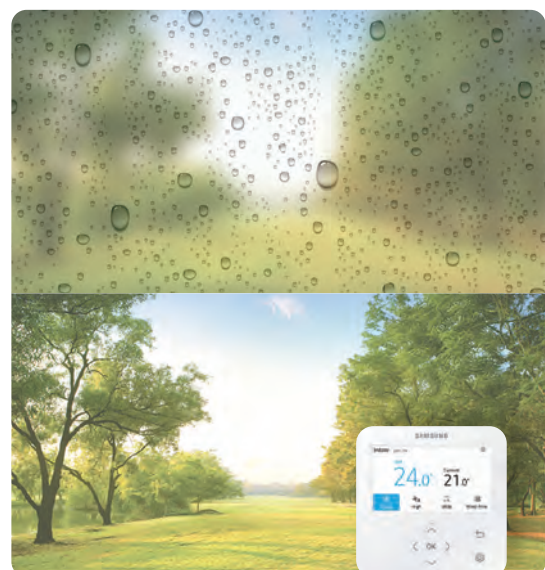
Chế độ Ngủ ngon điều chỉnh theo chu kỳ giấc ngủ của bạn. Nó làm mát sâu hơn để giúp bạn dễ đi ngủ, duy trì luồng không khí ổn định để nghỉ ngơi sâu và sau đó tăng nhẹ nhiệt độ lên để thức dậy sáng khoái, trong khi có thể giúp tiết kiệm đến 48% năng lượng*.

*Kết quả thử nghiệm nội bộ. Được thử nghiệm trên mẫu AC071FE1DKF/EA tùy thuộc vào chế độ hoạt động. Điều kiện thử nghiệm: nhiệt độ cài đặt: 26°C, trong 8 giờ, so với tổng mức tiêu thụ điện năng trong chế độ.

Luôn duy trì không khí mát mẻ và thoải mái

Điều khiển độ ẩm tối ưu nhờ sử dụng cả cảm biến nhiệt độ và độ ẩm để duy trì điều kiện trong nhà ổn định. Máy duy trì nhiệt độ bay hơi gần điểm sương để giảm thiểu làm mát quá mức, tạo điều kiện khử ẩm liên tục và tiết kiệm đến 19% năng lượng ở Chế độ khử ẩm*. Giám sát thời gian thực có sẵn thông qua SmartThings hoặc bộ điều khiển từ xa có dây** để tăng khả năng hiển thị và kiểm soát

*Dựa trên kết quả thử nghiệm nội bộ, và mức tiêu thụ điện năng được tính cho 4 giờ hoạt động.
– Mẫu thử nghiệm: Cassette 4 hướng 14kW (AC145BXAFHH1PP / AC145CN4FHH1PP).
– Điều kiện thử nghiệm: Nhiệt độ bầu khô ngoài trời 27°C, nhiệt độ bầu ướt 24°C. Chế độ thử nghiệm: Chế độ khử ẩm, nhiệt độ mục tiêu 24°C.
– Tiết kiệm năng lượng thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu và điều kiện thử nghiệm.
**Chỉ bộ điều khiển từ xa có dây màu (MWR-WG) hỗ trợ chức năng này.



Dàn nóng kết nối chung

Dàn nóng CAC của Samsung tương thích với nhiều loại dàn lạnh, mang lại sự tự do thiết kế linh hoạt và đơn giản hóa quá trình lắp đặt. Hoàn toàn có thể sử dụng tiếp dàn nóng đã lắp bên ngoài khi cần thay đổi dàn lạnh bên trong so với mục đích thiết kế ban đầu.



Cassette tròn 360



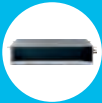
Cassette 4 hướng



Cassette 1 hướng



Áp trần



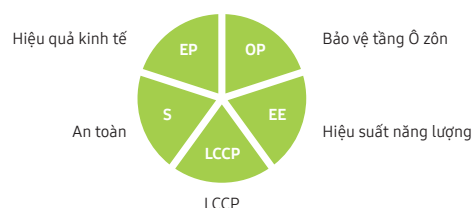
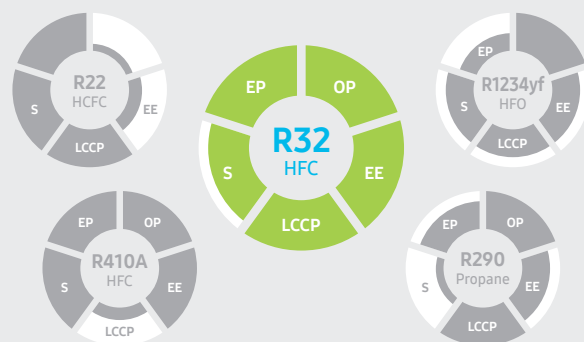
Giấu trần nối ống gió

Thiết bị	Công suất (kW)							
	2.6	3.5	5.2	7.1	10	12	14	16
 Cassette 1 hướng WindFree™	●	●	●	●				
 Cassette 4 hướng WindFree™			●	●	● ◆	● ◆	● ◆	●
 Cassette tròn 360			●	●	● ◆	● ◆	● ◆	●
 Giấu trần nối ống gió			●	●	● ◆	● ◆	● ◆	● ◆
 Áp trần				●	● ◆	● ◆	● ◆	● ◆
 Dàn nóng	●	●	●	●	● ◆	● ◆	● ◆	● ◆

● = 1 pha (Φ1) ◆ = 3 pha (Φ3)

Thân thiện và bền vững hơn với môi trường

Dòng sản phẩm CAC mới sử dụng R32 – môi chất lạnh thế hệ tiếp theo với hệ số làm nóng toàn cầu GWP là 675, thấp hơn đáng kể so với GWP của R410A (2088). Với khả năng làm lạnh cao và tính dẫn nhiệt tốt, mang lại hiệu suất làm mát hiệu quả đồng thời giảm tác động đến môi trường.



Đặt vấn đề:

Lượng phát thải thấp hơn và lượng môi chất lạnh sử dụng ít hơn có nghĩa là hiệu quả cao hơn và khả năng bền vững mạnh mẽ hơn, tuân thủ đầy đủ các quy định giảm dần phát thải trên toàn cầu để mang lại hiệu suất làm mát sẵn sàng tương lai cho các doanh nghiệp hiện đại.

Làm mát mà không có luồng gió buốt trực tiếp

Công nghệ WindFree™ của Samsung với hàng nghìn lỗ nhỏ li ti giúp phân tán không khí mát mẻ đều khắp mà không tạo ra luồng gió trực tiếp khó chịu, tạo ra bầu "Không khí tĩnh" để mang lại sự thoải mái. Khi hoạt động ở chế độ làm mát WindFree™, dàn lạnh hoạt động với tốc độ quạt rất thấp và dàn nóng chạy với công suất tối thiểu, tiêu thụ ít năng lượng hơn và tạo ra ít tiếng ồn hơn.



*Dựa trên thử nghiệm nội bộ của model WindFree™ AC140RN4DKG/EU hoạt động ở công suất 14,0kW. Điều kiện hoạt động: ngoài trời (35°C DB / 24°C WB), trong nhà (27°C DB / 19°C WB). Kết quả có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố môi trường và cách sử dụng người dùng. Chỉ có sẵn trên các model WindFree™.

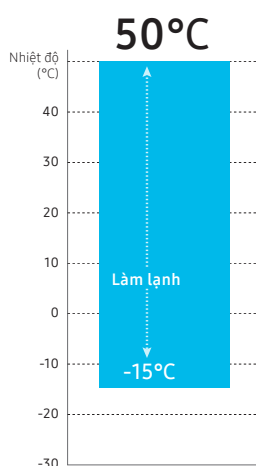
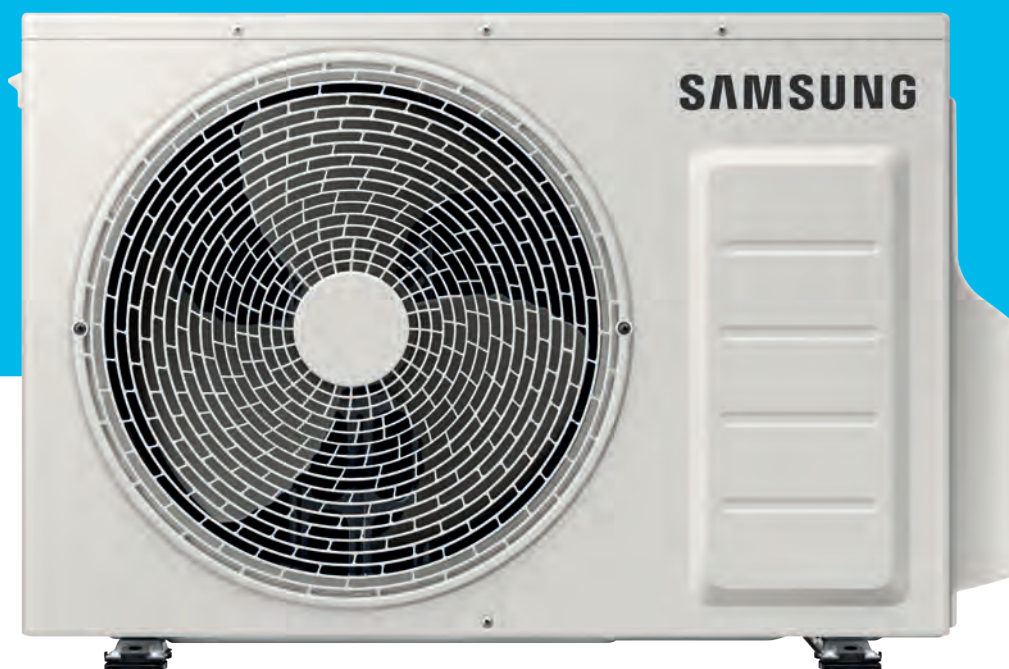


Những điều bạn mong đợi:

- Duy trì nhiệt độ ổn định mà không có gió buốt
- Tạo ra không gian yên tĩnh
- Tiết kiệm năng lượng lên đến 55% ở chế độ WindFree™

Dàn nóng CAC

Dàn nóng CAC của Samsung là kết hợp giữa hiệu suất hoạt động, tính linh hoạt và tính bền vững. Từ khả năng tương thích đa dạng với nhiều chủng loại dàn lạnh khác nhau đến giảm lượng khí thải carbon giúp duy trì không gian mát mẻ và thoải mái.

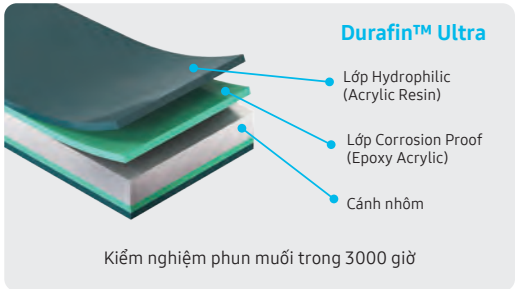
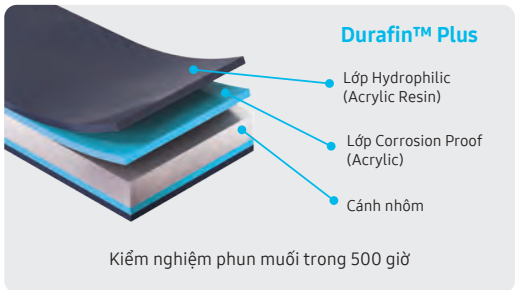


Đa kết nối, Tối ưu vận hành

Tương thích với nhiều loại dàn lạnh, dàn nóng đa kết nối giúp đơn giản hóa thiết kế và lắp đặt hệ thống. Được thiết kế để hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt, Samsung CAC cung cấp làm mát đáng tin cậy ngay cả trong điều kiện nhiệt độ lên đến 50°C – rất lý tưởng cho các không gian thương mại đa dạng.

Dàn trao đổi nhiệt chống ăn mòn

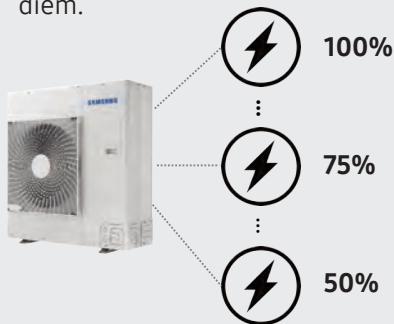
Với thiết kế bền bỉ, dàn trao đổi nhiệt dàn nóng CAC có phủ lớp chống ăn mòn DuraFin™ Plus và DuraFin™ Ultra* - cánh tản nhiệt được phủ chống ăn mòn để bảo vệ dàn trao đổi nhiệt khỏi rỉ sét và duy trì hiệu suất trao đổi nhiệt tối ưu. Khả năng chống ăn mòn vượt trội này đã được kiểm tra nghiêm ngặt và chứng nhận thông qua các thử nghiệm phun muối**.



*Xác nhận của bên thứ ba (TUV) cho kết quả thử nghiệm nội bộ. (DuraFin™ Plus: 2,6/3,5/5,2/7,1 kW, DuraFin™ Ultra: 10/12/14/16 kW) Ứng dụng DuraFin™ Ultra có thể thay đổi tùy theo mẫu.
**Dựa trên thử nghiệm nội bộ, không bị rò rỉ khi áp dụng áp suất (42kgf/cm²) bằng nitơ trong 1 phút sau thử nghiệm phun muối (SST) hơn 3.000 giờ (DuraFin™ Ultra), 500 giờ (DuraFin™ Plus) theo tiêu chuẩn ASTM B117/ISO 9227.

Kiểm soát năng lượng giờ cao điểm

Kiểm soát điện năng tiêu thụ giờ cao điểm. Tùy chọn cài đặt dòng điện tối đa* cho phép bạn điều chỉnh dòng điện hoạt động tối đa từ 50% đến 100% theo từng bước 5%. Nhờ đó, bạn có thể hạn chế mức tiêu thụ năng lượng của hệ thống điều hòa không khí và giảm tải điện cho toàn bộ tòa nhà trong giờ cao điểm.

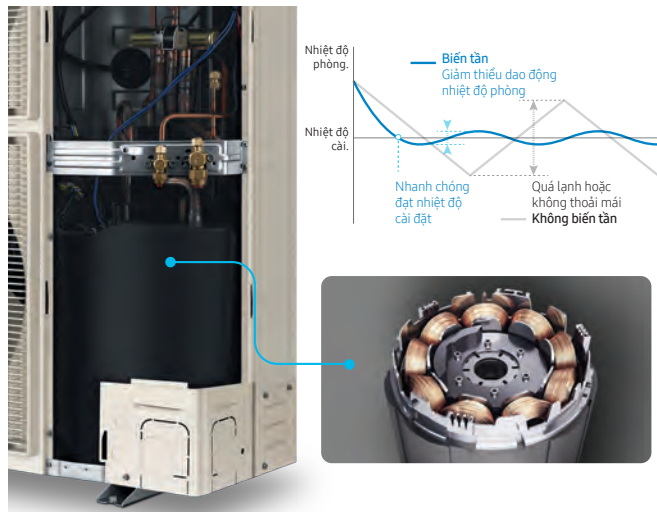


* Chức năng này có thể được cài đặt bằng điều khiển có dây, DMS, Nút nhấn trên dàn nóng



Tiết kiệm năng lượng thoải mái mỗi ngày

Không giống như máy nén tốc độ cố định thông thường tắt và bật thường xuyên, Công nghệ biến tần kỹ thuật số của Samsung tự động điều chỉnh tốc độ của nó để đáp ứng với những thay đổi về nhiệt độ phòng. Điều đó có nghĩa là ít dao động, ít sử dụng năng lượng và tiết kiệm nhiều hơn, giúp người dùng thoải mái mỗi ngày mà không lo lắng điện năng tiêu thụ.



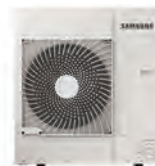
Thông số kỹ thuật

Dàn nóng



Tên model			AC026FCADKF/EA	AC035FCADKF/EA
			(1 pha)	(1 pha)
Nguồn điện	-		1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ, mm(inch)	6.35(1/4)
	Ống hơi		Φ, mm(inch)	9.52(3/8)
	Giới hạn ống	Tiêu chuẩn	m	5
		Chiều dài	m	30
		Chiều cao	m	15
Không nạp môi chất		m	20	
Môi chất	Loại		-	R32
	Nạp sẵn		kg	0.9
Dàn trao đổi nhiệt	Loại		-	Cánh và ống
	Vật liệu	Cánh	-	Al
		Ống	-	Cu
	Chống ăn mòn cánh		-	Durafin™ Plus
Máy nén	Loại		-	Twin BLDC Rotary
	Đầu ra		kW	1.00
Quạt	Loại		-	Propeller
	Số lượng		cái	1
	Lưu lượng gió	m³/phút	30.0	30.0
		l/s	500	500
Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC
	Đầu ra		W x n	45 x 1
Độ ồn	-		dB(A)	46
Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	27.5
	Kích thước (R x C x D)		mm	790x548x285
Dải nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	-15~50

- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Chiều dài đường ống kết nối tiêu chuẩn để thử nghiệm giữa dàn nóng và dàn lạnh là 5m và chênh lệch độ cao là 0m
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước



AC052FCADKF/EA (1 pha)	AC071FCADKF/EA (1 pha)	AC100FCADKF/EA (1 pha)	AC100FCADNF/EA (3 pha)
1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60
6.35(1/4)	6.35(1/4)	9.52(3/8)	9.52(3/8)
12.7(1/2)	15.88(5/8)	15.88(5/8)	15.88(5/8)
5	5	5	5
30	50	50	50
20	30	30	30
20	20	30	30
R32	R32	R32	R32
1.1	1.3	2.3	2.3
Cánh và ống	Cánh và ống	Cánh và ống	Cánh và ống
Al	Al	Al	Al
Cu	Cu	Cu	Cu
Durafin™ Plus	Durafin™ Plus	Durafin™ Ultra	Durafin™ Ultra
Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary
1.19	1.19	2.91	2.91
Propeller	Propeller	Propeller	Propeller
1	1	1	1
30.0	40.0	72.0	72.0
500	667	1200	1200
BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
45 x 1	125 x 1	125 x 1	125 x 1
50	53	53	53
29.7	37.5	69	69
790x548x285	880x638x310	940x998x330	940x998x330
-15~50	-15~50	-15~50	-15~50

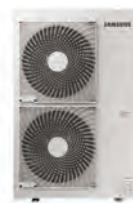
Thông số kỹ thuật

Dàn nóng



Tên model			AC120FCADKF/EA	AC120FCADNF/EA
			(1 pha)	(3 pha)
Nguồn điện	-		1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60
Đường ống kết nối	Ống lỏng		Φ, mm(inch)	9.52(3/8)
	Ống hơi		Φ, mm(inch)	15.88(5/8)
	Giới hạn ống	Tiêu chuẩn	m	5
		Chiều dài	m	75
		Chiều cao	m	30
		Không nạp môi chất	m	30
Môi chất	Loại		-	R32
	Nạp sẵn		kg	2.6
Dàn trao đổi nhiệt	Loại		-	Cánh và ống
	Vật liệu	Cánh	-	Al
		Ống	-	Cu
	Chống ăn mòn cánh		-	Durafin™ Ultra
Máy nén	Loại		-	Twin BLDC Rotary
	Đầu ra		kW	4.25
Quạt	Loại		-	Propeller
	Số lượng		cái	1
	Lưu lượng gió	m³/phút	72.0	72.0
		l/s	1200	1200
Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC
	Đầu ra		W x n	125 x 1
Độ ồn	-		dB(A)	53
Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	75.5
	Kích thước (R x C x D)		mm	940x998x330
Dải nhiệt độ hoạt động	Làm lạnh		°C	-15~50

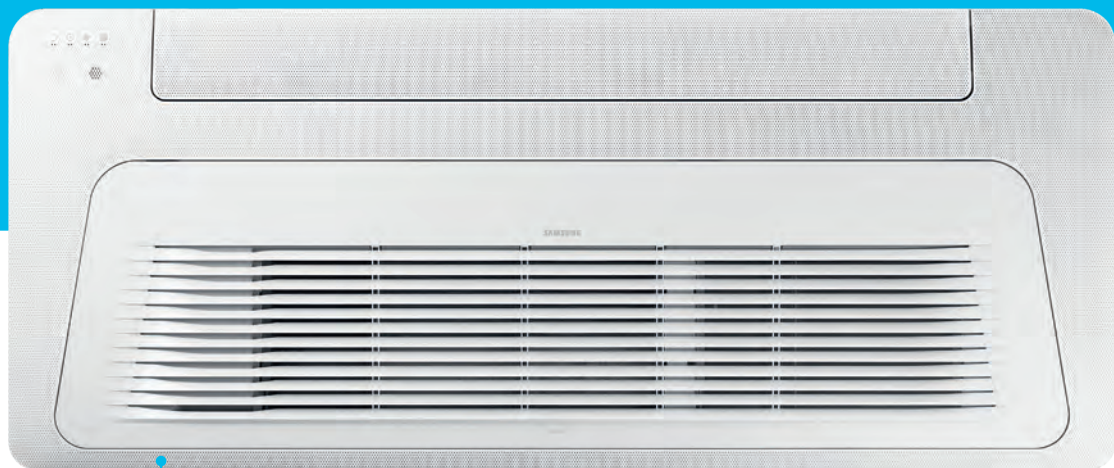
- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Chiều dài đường ống kết nối tiêu chuẩn để thử nghiệm giữa dàn nóng và dàn lạnh là 5m và chênh lệch độ cao là 0m
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước



AC140FCADKF/EA	AC140FCADNF/EA	AC160FCADKF/EA	AC160FCADNF/EA
(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)
1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60
9.52(3/8)	9.52(3/8)	9.52(3/8)	9.52(3/8)
15.88(5/8)	15.88(5/8)	19.05(3/4)	19.05(3/4)
5	5	5	5
75	75	75	75
30	30	30	30
30	30	30	30
R32	R32	R32	R32
2.6	2.6	3.1	3.1
Cánh và ống	Cánh và ống	Cánh và ống	Cánh và ống
Al	Al	Al	Al
Cu	Cu	Cu	Cu
Durafin™ Ultra	Durafin™ Ultra	Durafin™ Ultra	Durafin™ Ultra
Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary	Twin BLDC Rotary
4.25	4.25	4.25	4.25
Propeller	Propeller	Propeller	Propeller
1	1	2	2
72.0	72.0	110.0	110.0
1200	1200	1833	1833
BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
125 x 1	125 x 1	125 x 2	125 x 2
53	53	58	58
75.5	75.5	91.5	91.5
940x998x330	940x998x330	940x1,420x330	940x1,420x330
-15~50	-15~50	-15~50	-15~50

Cassette 1 hướng WindFree™

Cassette 1 hướng WindFree™ của Samsung mang lại sự thoải mái, yên tĩnh và thiết kế tinh tế. Với khả năng lắp đặt linh hoạt, tiết kiệm điện năng vượt trội, làm lạnh thông minh AI và công nghệ WindFree™, đây là giải pháp được thiết kế để đáp ứng các nhu cầu đa dạng trong cuộc sống hiện đại.



10,000
Lỗ siêu nhỏ

Mát mẻ thoải mái cho không gian của bạn

Làm mát thoải mái mà không có gió buốt khó chịu thổi trực tiếp lên da. Cassette 1 hướng WindFree™ phân tán không khí mát mẻ nhẹ nhàng qua 10.000 lỗ siêu nhỏ, kết hợp với hệ thống AI thông minh học hỏi thói quen sử dụng và điều chỉnh theo sở thích người dùng để tạo ra môi trường hoàn hảo. Không có luồng gió buốt, không có cảm giác lạnh đột ngột - chỉ có sự thoải mái, yên tĩnh và đều được duy trì.

Hòa quyện tinh tế

Thiết kế gắn trần tinh tế và tối giản giúp Cassette 1 hướng WindFree™ nhà hòa quyện hoàn hảo vào bất kỳ không gian nào. Mở ra kiến trúc tường nghệ thuật, rèm cửa hoặc bố trí nội thất, mang lại sự linh hoạt trong thiết kế trong khi vẫn đảm bảo cung cấp khả năng làm mát mạnh mẽ.

Bảo trì dễ dàng

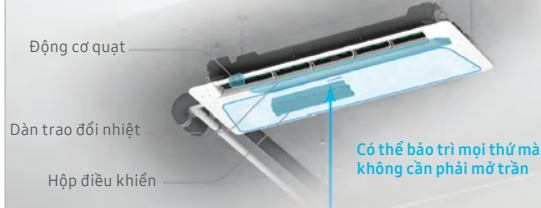
Các linh/ phụ kiện bên trong máy có thể được tiếp cận trực tiếp bằng cách tháo mặt nạ từ bên dưới không gian phòng, nên việc bảo trì được thực hiện dễ dàng — không nhất thiết yêu cầu về lỗ thăm* nên giữ nguyên được thiết kế trần thẩm mỹ.

* Tùy thuộc vào điều kiện lắp đặt.

Giấu trần nổi ống gió



Cassette 1 hướng

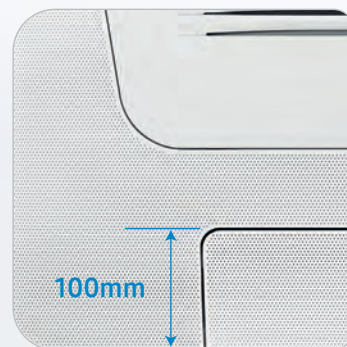


Luồng gió xa và rộng

Với cánh đảo gió lên đến 100mm* và góc đảo rộng, Cassette 1 hướng WindFree™ của Samsung có thể thổi luồng không khí xa lên đến 8m**, làm mát mọi góc phòng nhanh chóng và đều hơn. Luồng khí mát từ trên cao thổi xuống đảm bảo rằng mọi khu vực của không gian điều hòa đều cảm thấy mát lạnh thoải mái.

*Thử nghiệm nội bộ của Samsung so sánh Cassette 1 hướng WindFree™ với dòng loại cassette 1 hướng thông thường.

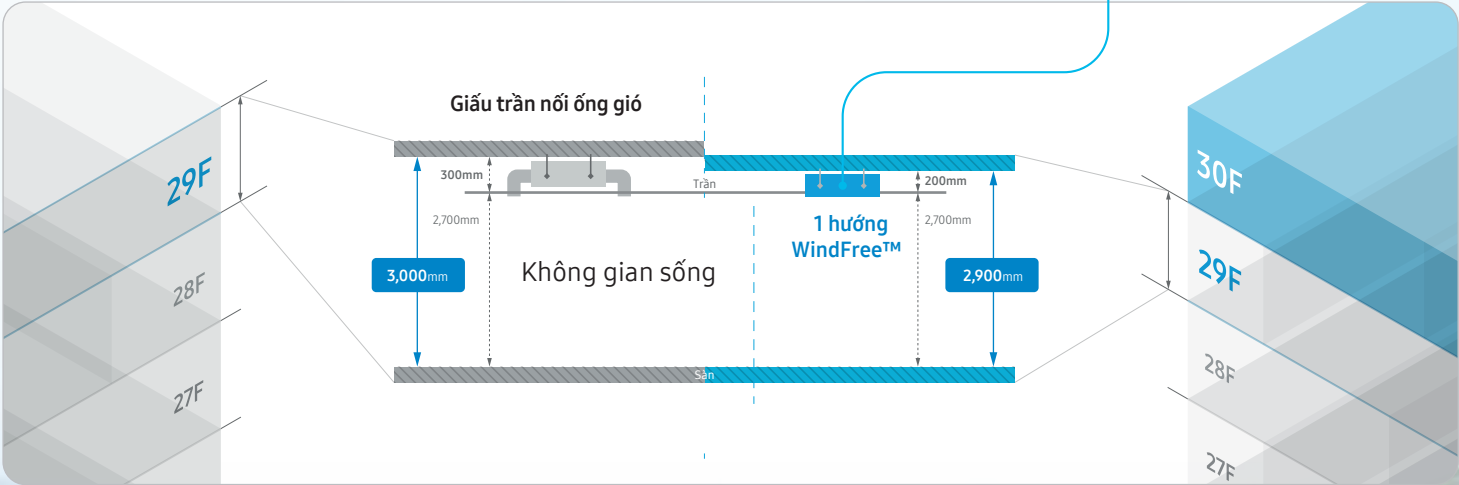
**Dựa trên dàn lạnh 7.1 kW.



Thiết kế mỏng - Phù hợp với mọi không gian.

So sánh với hệ giấu trần nổi ống gió thường yêu cầu không gian trần khá lớn để đảm bảo yêu cầu lắp đặt. Cassette 1 hướng WindFree™ tự tin với chiều cao thân máy mỏng chỉ 135mm, cho phép lắp đặt phù hợp ngay cả với không gian trần chỉ 155mm. Tận hưởng sự linh hoạt trong thiết kế, lắp đặt đơn giản và giảm lãng phí không gian thông thủy của phòng. Thậm chí còn có thể tăng thêm số tầng của tòa nhà *

* Dựa trên giả định chiều cao giữa sàn và sàn của mỗi tầng là 3 m, không bao gồm cao độ khoảng sàn. Có thể thay đổi tùy thuộc vào chiều cao của máy giấu trần nổi ống gió và điều kiện trần nhà.



Thông số kỹ thuật

Cassette 1 hướng WindFree™

Tên model				AC026FE1DKF/EA		
				(1 pha)		
Hệ thống	Dàn nóng	-			AC026FCADKF/EA	
	Công suất lạnh	Tối thiểu / Định mức / Tối đa		kW	1.00 / 2.60 / 3.90	
				Btu/h	3,400 / 8,900 / 13,300	
	Điện	Nguồn điện		Φ, #, V, Hz	1,2,220-240,50/60	
		Công suất điện tiêu thụ	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	kW	0.20 / 0.72 / 1.45	
		Cường độ dòng điện		kW	1.7 / 3.2 / 6.8	
		Dòng		MCA	A	11,5
			MFA	A	12,7	
	Hiệu suất năng lượng	EER		-	3,61	
		CSPF		-	5,42	
Đường ống kết nối	Ống lỏng / Ống hơi		Φ, mm	6.35 / 9.52		
Môi chất lạnh	-		-	R32		
Dàn lạnh	Quạt	Loại		-	Cross Flow	
		Số lượng		-	1	
		Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m³/phút	7.5 / 6.4 / 5.6	
				l/s	125 / 107 / 93	
	Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC	
		Đầu ra		W x n	27 x 1	
	Ống nước ngưng	-		Φ, mm	VP25 (OD32 / ID25)	
	Độ ồn	Cao/ Trung Bình/ Thấp/ Yên tĩnh		dB(A)	32/29/26/25	
	Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	9,0	
		Kích thước (RxCxD)		mm	970x135x410	
	Mặt nạ WindFree™ (Trắng)	Tên model		-	PC1NWFMANW	
		Trọng lượng		kg	4,3	
		Kích thước (RxCxD)		mm	1,198x34x500	
	Bơm nước ngưng	Tùy chọn / Tích hợp		-	Tích hợp	
Lượng nước tối đa		Lít/giờ	24			

- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Mặt nạ (tùy chọn)

			
Mặt nạ WindFree (trắng)	Mặt nạ WindFree (trắng)	Mặt nạ WindFree + Lọc (trắng)	Mặt nạ WindFree + Lọc (trắng)
PC1NWFMANW (2.6 kW - 3.5 kW)	PC1BWFMANW (5.2 kW - 7.1 kW)	PC1NWCMANW (2.6 kW - 3.5 kW)	PC1BWCMANW (5.2 kW - 7.1 kW)



AC035FE1DKF/EA	AC052FE1DKF/EA	AC071FE1DKF/EA
(1 pha)	(1 pha)	(1 pha)
AC035FCADKF/EA	AC052FCADKF/EA	AC071FCADKF/EA
1.10 / 3.30 / 4.20	1.20 / 5.30 / 6.40	1.45 / 6.90 / 7.80
3,800 / 11,300 / 14,300	4,100 / 18,000 / 21,800	4,900 / 23,500 / 26,600
1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
0.25 / 1.02 / 1.55	0.21 / 1.69 / 2.20	0.29 / 2.33 / 3.20
1.7 / 4.9 / 7.5	1.4 / 7.4 / 9.5	1.9 / 10.2 / 14.0
11,5	13,5	21,5
12,7	15	25
3,24	3,14	2,96
5,39	5,57	5,22
6.35 / 9.52	6.35 / 12.7	6.35 / 15.88
R32	R32	R32
Cross Flow	Cross Flow	Cross Flow
1	2	2
8.8 / 7.8 / 6.9	15.6 / 13.9 / 12.2	17.0 / 14.8 / 12.6
147 / 130 / 115	260 / 232 / 203	283 / 247 / 210
BLDC	BLDC	BLDC
27 x 1	65 x 1	65 x 1
VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)
38/35/32/27	43/40/37/31	46/42/38/30
9,0	12,5	12,5
970x135x410	1,200x138x450	1,200x138x450
PC1NWFMANW	PC1BWFMANW	PC1BWFMANW
4,3	5	5
1,198x34x500	1,410x34x500	1,410x34x500
Tích hợp	Tích hợp	Tích hợp
24	24	24

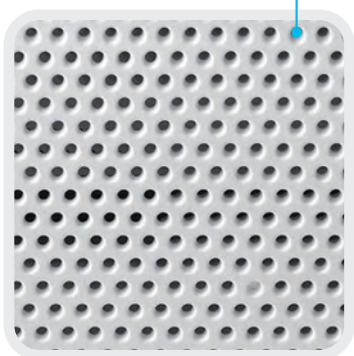
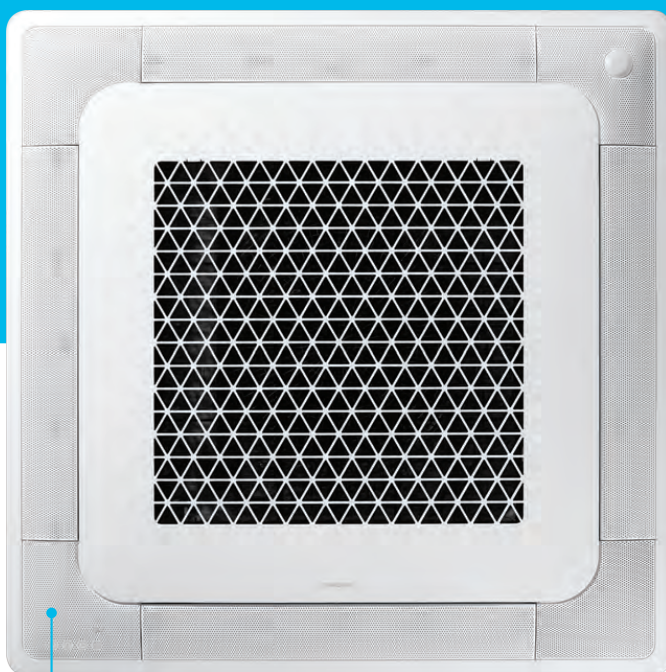
Điều khiển (tùy chọn)



Điều khiển không dây	Điều khiển không dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây
AR-CH01E	AR-EC03E	MWR-WG00JN	MWR-SH11N	MWR-WE13N

Cassette 4 hướng WindFree™

Làm mát dễ chịu và hạn chế tình trạng luồng gió buốt thổi trực tiếp vào da người dùng nhờ công nghệ WindFree™, tối ưu hóa hiệu suất, làm lạnh nhanh và đều trong phạm vi không gian rộng lớn, tạo ra bầu không khí lý tưởng tiện nghi. Cassette 4 hướng WindFree™ của Samsung được thiết kế cho không gian lớn và mang tính chất công cộng.



15,700
Lỗ siêu nhỏ

Làm mát tiện nghi

Công nghệ làm mát WindFree™ phân phối khí mát qua 15,700 lỗ siêu nhỏ để loại bỏ luồng gió buốt trong khi vẫn giữ nhiệt độ phòng ổn định và thoải mái. Khi hoạt động ở chế độ WindFree™, Cassette 4 hướng giảm thiểu tiếng ồn vận hành và chỉ tạo ra khoảng 34 db (A), thấp hơn đáng kể so với chế độ làm mát thông thường, khiến nó trở nên lý tưởng cho các không gian cần môi trường yên tĩnh, chẳng hạn như phòng họp, trường học hoặc bệnh viện*.

*Dựa trên thử nghiệm nội bộ với model WindFree™ AC071RN4DKG/EU.

Phạm vi thổi rộng lớn

Với cánh đảo gió rộng 84mm lớn hơn 31%* so với dòng thường và góc đảo tối ưu để thổi không khí mát xa lên đến 10 mét, phân phối luồng không khí rộng – xa và đều để loại bỏ các góc chết trong phòng, duy trì nền nhiệt độ lý tưởng cho không gian rộng lớn

*Dựa trên kiểm nghiệm nội bộ với model Cassette 4 hướng WindFree™, so với điều hòa không khí Cassette 4 hướng thông thường có cánh đảo gió chỉ 64mm.

10m
Đường kính

Tiết kiệm năng lượng



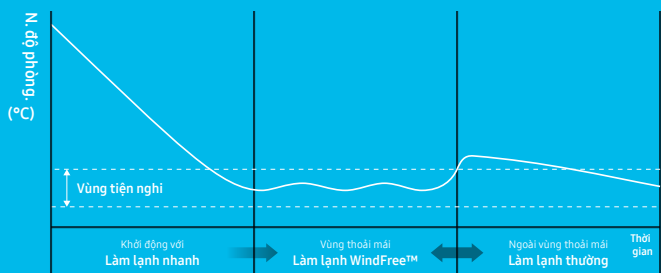
Chế độ WindFree™ giúp tiết kiệm điện năng lên đến 55% so với chế độ làm lạnh thông thường, do đó bạn có thể thoải mái tận hưởng không gian mát lạnh mà không phải lo lắng về hóa đơn tiền điện.

* Tính năng chỉ có trên dàn lạnh WindFree™

* Dựa trên thí nghiệm nội bộ sản phẩm WindFree™ model AC140RN4DKG/EU hoạt động công suất 14.0kW. Điều kiện hoạt động: ngoài trời (35°C DB / 24°C WB), trong nhà (27°C DB / 19°C WB)

Làm mát thông minh cho trải nghiệm tối ưu

Chế độ hoạt động Smart Comfort sử dụng cảm biến nhiệt độ và độ ẩm để theo dõi điều kiện phòng và điều chỉnh giữa các chế độ làm mát để tối ưu hóa sự thoải mái. Hệ thống bắt đầu với chế độ làm lạnh Fast Cooling để làm mát phòng nhanh chóng, sau đó tự động chuyển sang chế độ WindFree™ để duy trì sự thoải mái tiện nghi một cách tự động



Làm lạnh nhanh



Làm lạnh WindFree™

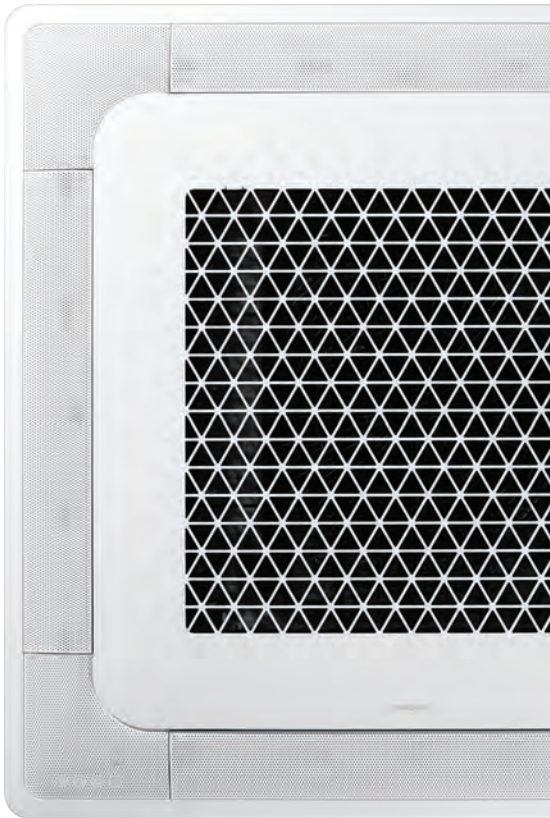
Nếu phòng đạt vùng tiện nghi

Đèn led cảnh báo hiển thị

Được cảnh báo ngay lập tức về các sự cố với chức năng tự chẩn đoán tích hợp. Các chỉ báo LED và mã lỗi được hiển thị rõ ràng để xác định nguyên nhân của sự cố, cho phép khắc phục nhanh hơn và ngăn chặn thời gian ngừng hoạt động dài từ máy khi bị lỗi.

Ví dụ về lỗi	Đèn LED hiển thị			
	Mở/ Tắt	Xả băng	Thời gian	Lọc
Lỗi cảm biến nhiệt độ dàn lạnh		●		
Lỗi cảm biến dàn trao đổi nhiệt	●	●		
Lỗi cảm biến dàn nóng	●		●	
Lỗi cảm biến chuyển động MDS	●			●

● Nhấp nhảy



Lọc PM 1.0: Dễ dàng vệ sinh và bảo trì

(Tùy chọn)

Bộ lọc và cánh đảo gió có thể tháo rời dễ dàng và có thể được làm sạch bằng nước hoặc máy hút bụi - tiết kiệm chi phí bảo trì và phí thay bộ lọc thường xuyên.

Bước
01

Vệ sinh



Lọc thô
Loại bỏ bụi bẩn trên bộ lọc bằng nước hoặc sử dụng máy hút bụi.

Bộ lọc PM1.0
Ngâm bộ lọc trong dung dịch nước và chất tẩy rửa nhẹ trong 30 phút.

Bước
02

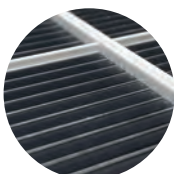
Súc rửa và làm khô



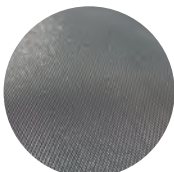
Súc rửa bộ lọc và để khô tự nhiên trong khoảng 12 giờ ở nơi thông thoáng, tránh ánh sáng trực tiếp.

Mang lại bầu không khí sạch

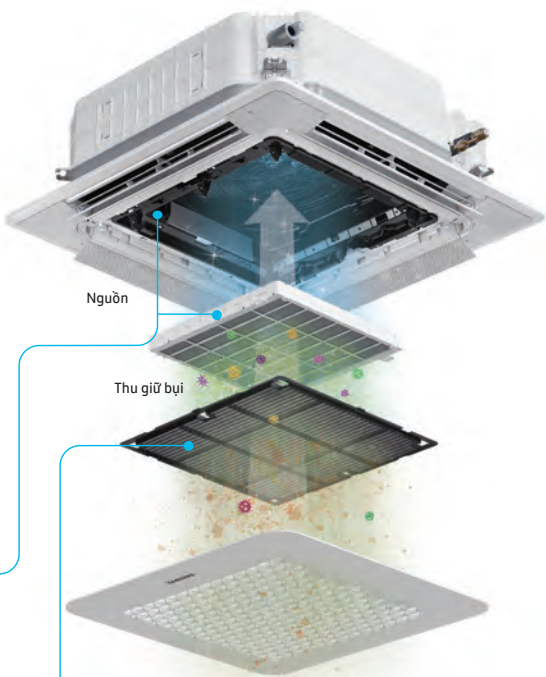
Hít thở không khí trong lành, tươi mát cả ngày với bộ lọc không khí PM 1.0 tùy chọn. Với hệ thống lọc hai tầng, bao gồm bộ lọc thô để thu giữ các hạt bụi lớn hơn, ngăn chúng xâm nhập vào dàn lạnh, tiếp đến là bộ lọc PM 1.0 không chỉ lọc sạch hiệu quả bụi siêu mịn (lên đến 0,3 μm) mà còn tiêu diệt vi khuẩn lên đến 99% * bằng bộ lọc tĩnh điện.



Lọc PM1.0



Lọc thô



* Báo cáo của Intertek số: RT20E-S0010-R Ngày: 17 tháng 4 năm 2020 (đã cập nhật) Dựa trên dữ liệu thu thập được: Phần tử K (Bộ lọc tĩnh điện) của Samsung Electronics có thể khử trùng một số loại vi khuẩn nhất định được thu thập trên bộ lọc. (Escherichia coli: trên 99%, Staphylococcus aureus: trên 99%).

Thông số kỹ thuật

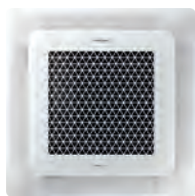
Cassette 4 hướng WindFree™

Tên model				AC052FE4DKF/EA	AC071FE4DKF/EA	AC100FE4DKF/EA
				(1 pha)	(1 pha)	(1 pha)
Hệ thống	Dàn nóng	-		AC052FCADKF/EA	AC071FCADKF/EA	AC100FCADKF/EA
	Công suất lạnh	Tối thiểu / Định mức / Tối đa		kW	1.20 / 5.30 / 6.60	1.45 / 7.20 / 8.00
				Btu/h	4,100 / 18,000 / 22,500	4,900 / 24,500 / 27,300
	Điện	Nguồn điện		Φ, #, V, Hz	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
		Công suất điện tiêu thụ	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	kW	0.22 / 1.53 / 2.30	0.27 / 2.10 / 3.20
		Cường độ dòng điện		kW	1.5 / 6.7 / 9.8	1.8 / 9.2 / 14.0
		Dòng		MCA	A	13,5
			MFA	A	15	25
	Hiệu suất năng lượng	EER		-	3,46	3,43
		CSPF		-	5,91	5,91
Đường ống kết nối	Ống lỏng / Ống hơi		Φ, mm	6.35 / 12.7	6.35 / 15.88	
Môi chất lạnh	-		-	R32	R32	
Dàn lạnh	Quạt	Loại		-	Turbo	Turbo
		Số lượng		-	1	1
		Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m³/phút	15.9 / 15.0 / 14.1	19.5 / 16.8 / 14.1
				l/s	265 / 250 / 235	325 / 280 / 235
	Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC	BLDC
		Đầu ra		W x n	65 x 1	65 x 1
	Ống nước ngưng	-		Φ, mm	VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)
	Độ ồn	Cao/ Trung Bình/ Thấp		dB(A)	35/33/31	40/36/32
	Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	14,5	14,5
		Kích thước (RxCxD)		mm	840x204x840	840x204x840
	Mặt nạ WindFree™ (Trắng)	Tên model		-	PC4NUFMANW	PC4NUFMANW
		Trọng lượng		kg	6,2	6,2
		Kích thước (RxCxD)		mm	950x48x950	950x48x950
	Bơm nước ngưng	Tùy chọn / Tích hợp		-	Tích hợp	Tích hợp
Lượng nước tối đa		Lít/giờ	24	24		

- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Mặt nạ (tùy chọn)

Mặt nạ WindFree (trắng)	Mặt nạ WindFree (đen)	Mặt nạ WindFree + Lọc (trắng)
PC4NUFMANW	PC4NBFMANW	PC4NUCMANW



AC100FE4DKF/EA	AC120FE4DKF/EA		AC140FE4DKF/EA		AC160FE4DKF/EA
(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)
AC100FCADNF/EA	AC120FCADKF/EA	AC120FCADNF/EA	AC140FCADKF/EA	AC140FCADNF/EA	AC160FCADKF/EA
3.00 / 10.60 / 13.00	4.00 / 12.10 / 15.00		4.00 / 14.10 / 16.50		4.00 / 17.00 / 19.00
10,200 / 36,200 / 44,400	13,600 / 41,300 / 51,200		13,600 / 48,000 / 56,300		13,600 / 58,000 / 64,800
3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60
0.53 / 3.37 / 4.85	0.80 / 3.90 / 6.50		0.85 / 5.07 / 7.20		0.93 / 6.08 / 7.85
1.1 / 5.4 / 7.8	3.7 / 17.8 / 30.0	1.55 / 5.90 / 10.00	4.3 / 22.2 / 32.0	1.6 / 8.0 / 10.2	5.5 / 27.8 / 32.0
18,1	34,0	18,1	34,0	18,1	34,0
20,0	40,0	20,0	40,0	20,0	40,0
3,15	3,10		2,78		2,80
-	5,28	-	-	-	-
9.52 / 15.88	9.52 / 15.88		9.52 / 15.88		9.52 / 19.05
R32	R32		R32		R32
Turbo	3D Turbo		3D Turbo		3D Turbo
1	1		1		1
26.9 / 23.3 / 19.6	35.7 / 29.8 / 21.6		36.9 / 29.8 / 22.8		36.9 / 32.2 / 27.5
448 / 388 / 327	595 / 497 / 360		615 / 497 / 380		615 / 537 / 458
BLDC	BLDC		BLDC		BLDC
97 x 1	97 x 1		97 x 1		97 x 1
VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)
43/38/33	43/39/34		44/40/35		45/41/36
18,5	21,5		21,5		21,5
840x288x840	840x288x840		840x288x840		840x288x840
PC4NUFMANW	PC4NUFMANW		PC4NUFMANW		PC4NUFMANW
6,2	6,2		6,2		6,2
950x48x95	950x48x950		950x48x950		950x48x950
Tích hợp	Tích hợp		Tích hợp		Tích hợp
24	24		24		24

Điều khiển (tùy chọn)



Điều khiển không dây	Điều khiển không dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây
AR-CH01E	AR-EC03E	MWR-WG00JN	MWR-SH11N	MWR-WE13N

Cassette tròn 360

Với thiết kế tròn đều độc đáo, Cassette tròn 360 của Samsung không chỉ mang lại vẻ thẩm mỹ khác biệt cho không gian sống mà còn làm lạnh đều từ mọi hướng, giúp tạo môi trường lý tưởng có nền nhiệt độ đồng đều trong phòng*. Cấu tạo không có cánh đảo gió đảm bảo 100% lượng gió được phân phối trực tiếp vào phòng giúp làm lạnh nhanh và thổi xa hơn**

* Thử nghiệm nội bộ trong vòng đường kính 9.3m, nhiệt độ không chênh lệch quá 0.6°C
** Samsung thử nghiệm so với dòng cassette 4 hướng 14kW



Phong cách hóa thiết kế

Tạo phong cách riêng cho không gian của bạn với Cassette tròn 360 của Samsung. Chọn thiết kế mặt nạ kiểu vuông hoặc tròn, màu đen hoặc trắng, hoặc tùy chỉnh bề mặt độc đáo bằng logo, cờ hoặc hình ảnh để thể hiện cá tính của bạn.

Phù hợp với không gian sống hiện đại

Thiết kế tròn, tối giản và tinh tế của Cassette tròn 360 hòa quyện hoàn hảo vào không gian hiện đại và tạo điểm nhấn kiến trúc.



Lắp đặt linh hoạt theo thiết kế kiến trúc

Lắp âm trần để có phong cách tinh tế hoặc treo nổi để tạo điểm nhấn. Việc lắp đặt đa dạng mang lại sự linh hoạt trong thiết kế và nét riêng cho mọi không gian.



Tổng quan mọi thứ trong một cái nhìn

Đèn LED hiển thị trực quan chế độ luồng khí, trạng thái hoạt động và cảnh báo vệ sinh bộ lọc, cũng như các vấn đề về dàn nóng hoặc lỗi cảm biến nhiệt độ. Xem các cập nhật nhanh chóng và rõ ràng để kiểm tra hệ thống đang hoạt động như thế nào.



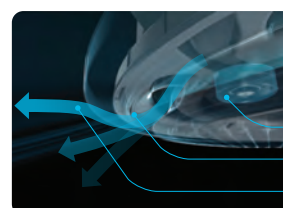
Luồng gió mát nhẹ nhàng lan tỏa

3 quạt tăng áp áp Cassette tròn 360 tạo ra vùng áp suất thấp xung quanh cửa thổi, cho phép không khí mát mẻ lan tỏa xa hơn ngang theo trần nhà trước khi rơi xuống nhẹ nhàng - mô phỏng hiệu ứng của luồng gió. Kết quả là luồng gió mềm mại, đều đặn hơn mà không có gió buốt hoặc gió trực tiếp*.

*Trong bán kính 5m, không có luồng gió buốt giữa độ cao 0–1,5mm (với công suất 14,0kW).



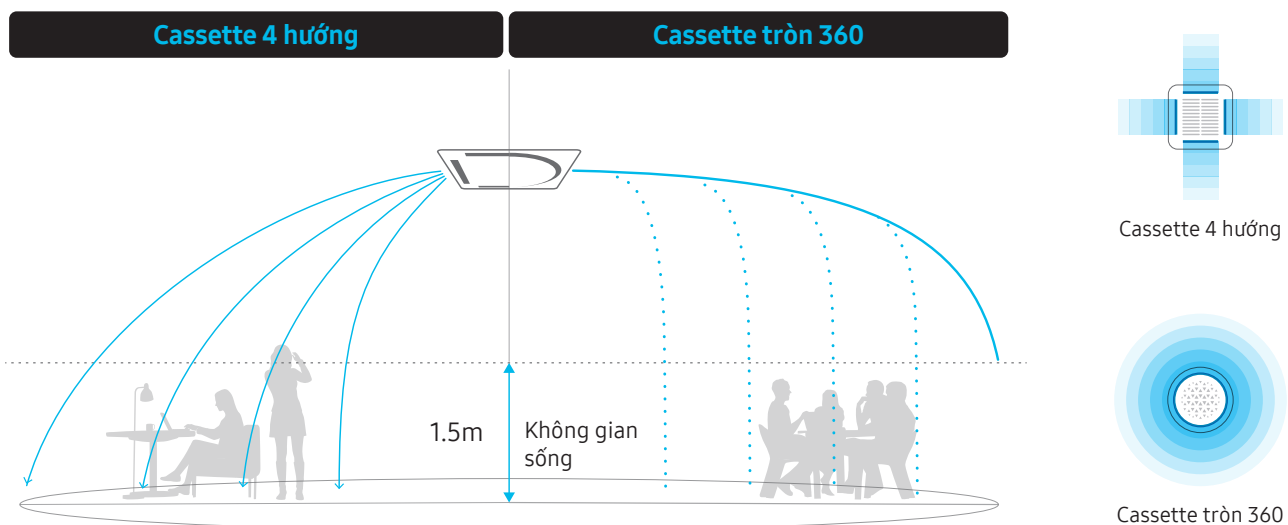
• Các khe hút không khí xung quanh vào để tạo ra áp suất thấp



Quạt tăng áp
Áp suất thấp
Hiệu ứng Coanda

Làm lạnh đều

Không giống như điều hòa cassette 4 hướng truyền thống, Cassette tròn 360 của Samsung thổi khí ra mọi hướng thông qua cửa gió tròn đặc trưng - tiếp cận mọi góc của căn phòng để tạo không khí mát mẻ đồng đều. Duy trì nhiệt độ đều* mà không có vùng nóng cục bộ, tạo ra môi trường thoải mái hơn từ mọi vị trí



* Thử nghiệm của Samsung so với điều hòa không khí loại cassette 4 hướng thông thường.
**Trong đường kính 9,3m, chênh lệch nhiệt độ nhỏ hơn 0,6°C.

Thông số kỹ thuật

Cassette tròn 360

Tên model				AC052FE6DKF/EA	AC071FE6DKF/EA	AC100FE6DKF/EA
				(1 pha)	(1 pha)	(1 pha)
Hệ thống	Dàn nóng	-		AC052FCADKF/EA	AC071FCADKF/EA	AC100FCADKF/EA
	Công suất lạnh	Tối thiểu / Định mức / Tối đa		kW	1.20 / 5.30 / 6.60	1.45 / 7.20 / 8.00
				Btu/h	4,100 / 18,200 / 22,500	4,900 / 24,500 / 27,300
	Điện	Nguồn điện		Φ, #, V, Hz	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
		Công suất điện tiêu thụ	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	kW	0.22 / 1.52 / 2.30	0.27 / 2.11 / 3.20
		Cường độ dòng điện		kW	1.5 / 6.7 / 9.8	1.8 / 9.2 / 14.0
		Dòng		MCA	A	13,5
			MFA	A	15	25
	Hiệu suất năng lượng	EER		-	3,49	3,41
		CSPF		-	5,72	5,91
Đường ống kết nối	Ống lỏng / Ống hơi		Φ, mm	6.35 / 12.7	6.35 / 15.88	9.52 / 15.88
Môi chất lạnh	-		-	R32	R32	R32
Dàn lạnh	Quạt	Loại		-	Turbo	Turbo
		Số lượng		-	1	1
		Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m³/phút	17.3 / 15.6 / 13.9	19.9 / 16.4 / 13.9
				l/s	288 / 260 / 232	332 / 273 / 232
	Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC	BLDC
		Đầu ra		W x n	65 x 1	65 x 1
	Ống nước ngưng	-		Φ, mm	VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)
	Độ ồn	Cao/ Trung Bình/ Thấp		dB(A)	36/34/32	41/37/33
	Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	20,0	20,0
		Kích thước (RxCxD)		mm	947x281x947	947x365x947
	Mặt nạ tròn (Trắng)	Tên model		-	PC6EUSMANW	PC6EUSMANW
		Trọng lượng		kg	2,8	2,8
		Kích thước (RxCxD)		mm	Φ1,050x106	Φ1,050x106
	Bơm nước ngưng	Tùy chọn / Tích hợp		-	Tích hợp	Tích hợp
Lượng nước tối đa		Lít/giờ	24	24		

- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Mặt nạ (tùy chọn)

				
Mặt nạ viền vuông (trắng)	Mặt nạ viền vuông (đen)	Mặt nạ tròn (trắng)	Mặt nạ tròn (đen)	Mặt nạ tròn + Lọc (trắng)
PC6NUSMANW	PC6NBSMANW	PC6EUSMANW	PC6EBSMANW	PC6EUCMANW



AC100FE6DKF/EA	AC120FE6DKF/EA		AC140FE6DKF/EA		AC160FE6DKF/EA
(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)
AC100FCADNF/EA	AC120FCADKF/EA	AC120FCADNF/EA	AC140FCADKF/EA	AC140FCADNF/EA	AC160FCADKF/EA
3.00 / 10.80 / 12.80	3.50 / 12.10 / 15.0		4.00 / 13.50 / 16.50		4.00 / 16.50 / 19.00
10,200 / 36,700 / 43,700	11,900 / 41,300 / 51,200		13,600 / 46,100 / 56,300		13,600 / 56,300 / 64,800
3,4380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4380-415,50/60	1,2,220-240,50/60
0.53 / 3.47 / 4.85	0.80 / 4.03 / 6.50		0.85 / 5.08 / 7.25	0.85 / 5.08 / 7.20	0.93 / 6.11 / 7.85
1.1 / 5.5 / 7.5	3.7 / 18.4 / 30.0	1.55 / 6.1 / 10.0	4.3 / 22.2 / 32.0	1.6 / 8.0 / 10.2	5.5 / 27.9 / 32.0
18,1	34,0	18,1	34,0	18,1	34,0
20,0	40,0	20,0	40,0	20,0	40,0
3,11	3,00		2,66		2,70
-	5,16	-	4,98	-	-
9.52 / 15.88	9.52 / 15.88		9.52 / 15.88		9.52 / 19.05
R32	R32		R32		R32
Turbo	Turbo		Turbo		Turbo
1	1		1		1
30.5 / 24.4 / 18.2	31.6 / 25.6 / 19.6		34.6 / 27.6 / 21.6		34.6 / 27.6 / 21.6
508 / 407 / 303	527 / 427 / 327		577 / 460 / 360		577 / 460 / 360
BLDC	BLDC		BLDC		BLDC
97 x 1	97 x 1		97 x 1		97 x 1
VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)
44/39/33	45/41/36		47/43/38		47/43/38
23,5	25		25		25,0
947x365x947	947x365x947		947x365x947		947x365x947
PC6EUSMANW	PC6EUSMANW		PC6EUSMANW		PC6EUSMANW
2,8	2,8		2,8		2,8
Φ1,050x106	Φ1,050x106		Φ1,050x106		Φ1,050x106
Tích hợp	Tích hợp		Tích hợp		Tích hợp
24	24		24		24

Điều khiển (tùy chọn)



Điều khiển không dây	Điều khiển không dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây
AR-CH01E	AR-EC03E	MWR-WG00JN	MWR-SH11N	MWR-WE13N

Giấu trần nổi ống gió

Dòng dàn lạnh giấu trần nổi ống gió áp suất trung bình MSP Duct S kết hợp thiết kế nhỏ gọn với luồng không khí mạnh mẽ để phù hợp với mọi không gian. Hoạt động êm ái, dễ dàng lắp đặt, và linh hoạt để đáp ứng các thay đổi về yêu cầu bố trí.



Bơm nước ngưng nâng cao (tùy chọn)

Dòng điều hòa giấu trần nổi ống gió có bơm nước ngưng nâng cao tùy chọn, có thể nâng cao độ ống thoát lên cao hơn so với giới hạn thông thường. Điều này cho phép đặt vị trí dàn lạnh linh hoạt hơn. Việc lắp đặt và bảo trì được đơn giản hóa, với các tiếp cận bơm dễ dàng bằng cách tháo mặt bên.



Đáp ứng cho các không gian vừa và lớn

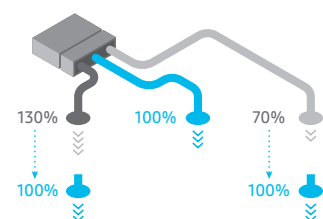
Bằng cách tạo ra áp suất tĩnh trung bình và cao, các dàn lạnh giấu trần nổi ống gió đẩy không khí mát xa hơn để bạn có được luồng khí ổn định* trong các phòng lớn vừa và lớn**. Với nhiều miệng hồi và miệng cấp hơn, dòng giấu trần nổi ống gió giúp việc lắp đặt trở nên đơn giản và đáng tin cậy khi các khu vực cần lắp đặt dàn lạnh xa so với miệng gió

* Dựa trên thử nghiệm nội bộ. Kết quả có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố môi trường và người dùng.

** Dựa trên thử nghiệm nội bộ với dàn lạnh giấu trần nổi ống gió áp suất trung bình và cao. Kết quả có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố môi trường và người dùng

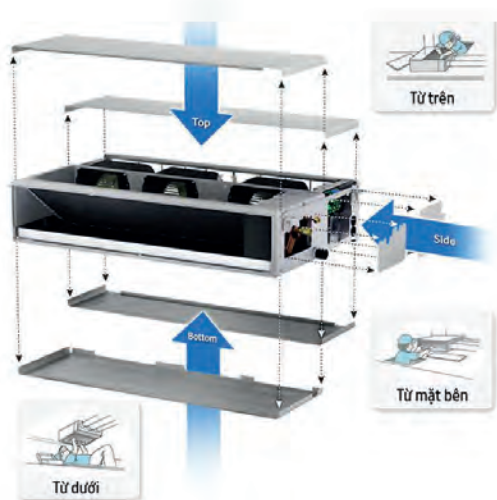
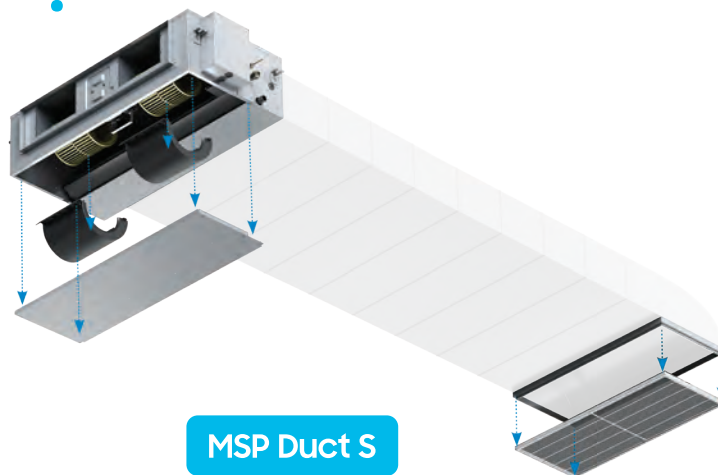
Tự động thích ứng với không gian

Chức năng Auto ESP cảm nhận sự thay đổi môi trường và điều chỉnh tốc độ quạt để tối ưu hóa luồng khí và giảm thiểu tiếng ồn. Không cần điều chỉnh thủ công, giúp tiết kiệm thời gian lắp đặt và bảo trì. Điều chỉnh dễ dàng qua điều khiển từ xa cho phép tinh chỉnh tốc độ quạt dựa trên mức độ hoạt động hoặc yêu cầu cá nhân.



Nhỏ gọn dễ dàng tiếp cận

Với thiết kế Slim Fit nhỏ gọn, các dàn lạnh có thể được lắp đặt dễ dàng trong không gian trần chật hẹp. Bảo trì cũng đơn giản không kém, với cách tiếp cận dễ dàng vào các bộ phận bên trong từ 3 hướng - giúp dịch vụ nhanh chóng hơn, bất kể vị trí lắp đặt.



Vệ sinh thuận tiện

Các dàn lạnh giấu trần nổi ống gió được trang bị chỉ báo vệ sinh bộ lọc tự động khi bộ lọc cần được vệ sinh, thường sau 1.000 giờ sử dụng*. Bộ lọc dễ dàng tháo rời, giúp bảo trì đơn giản và không tốn nhiều công sức

*1.000 giờ là cài đặt mặc định, có thể điều chỉnh lên đến 2.000 giờ trên bo mạch PCB bên trong.

Thông số kỹ thuật

Giấu trần nổi ống gió



Tên model					AC052FEMDKF/EA	AC071FEMDKF/EA
					(1 pha)	(1 pha)
Hệ thống	Dàn nóng	-			AC052FCADKF/EA	AC071FCADKF/EA
	Công suất lạnh	Tối thiểu / Định mức / Tối đa		kW	1.20 / 5.40 / 6.60	1.45 / 7.20 / 8.00
				Btu/h	4,100 / 18,300 / 22,500	4,900 / 24,600 / 27,300
	Điện	Nguồn điện		Φ,#,V,Hz	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60
		Công suất điện tiêu thụ	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	kW	0.22 / 1.60 / 2.30	0.27 / 2.21 / 3.20
		Cường độ dòng điện		kW	1.5 / 7.1 / 9.8	1.8 / 9.7 / 14.0
		Dòng		MCA	A	14,3
			MFA	A	15,0	25,0
	Hiệu suất năng lượng	EER		-	3,38	3,26
		CSPF		-		
Đường ống kết nối	Ống lỏng / Ống hơi		Φ, mm	6.35 / 12.7	6.35 / 15.88	
Môi chất lạnh	-		-	R32	R32	
Dàn lạnh	Quạt	Loại		-	Sirocco	Sirocco
		Số lượng		-	2	2
		Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m³/phút	16.2 / 12.9 / 9.7	19.9 / 16.2 / 12.9
				l/s	270 / 215 / 162	332 / 270 / 215
		Áp suất tĩnh ngoài	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	mmAq	0 / 3.0 / 5.0	0 / 3.0 / 15.0
				pa	0 / 29.4 / 49.0	0 / 29.4 / 147.1
	Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC	BLDC
		Đầu ra		W x n	153 x 1	153 x 1
	Ống nước ngưng	-		Φ, mm	VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)
	Độ ồn	Cao/ Trung Bình/ Thấp		dB(A)	33/30/27	37/33/29
	Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	26,5	26,5
		Kích thước (RxCxD)		mm	850x250x700	850x250x700
	Bơm nước ngưng	Tùy chọn bơm ngoài		-	MDP-G075SP	MDP-G075SP
		Tùy chọn bơm trong		-	MDP-G075SQ	MDP-G075SQ
Lượng nước tối đa		Lít/giờ	24	24		

- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Điều khiển (tùy chọn)

Điều khiển không dây	Điều khiển không dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây
AR-CH01E	AR-EC03E	MWR-WG00JN	MWR-SH11N	MWR-WE13N

Thông số kỹ thuật

Giấu trần nối ống gió

Tên model				AC100FEMDKF/EA				
				(1 pha)	(3 pha)			
Hệ thống	Dàn nóng	-			AC100FCADKF/EA	AC100FCADNF/EA		
	Công suất lạnh	Tối thiểu / Định mức / Tối đa		kW	3.00 / 10.60 / 13.00			
				Btu/h	10,200 / 36,200 / 44,400			
	Điện	Nguồn điện		Φ,#,V,Hz	1,2,220-240,50/60		3,4,380-415,50/60	
		Công suất điện tiêu thụ	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	kW	0.53 / 3.25 / 4.90		0.53 / 3.22 / 4.90	
		Cường độ dòng điện		kW	3.0 / 14.5 / 21.0		1.2 / 5.1 / 7.8	
		Dòng		MCA	A	22,5		18,6
			MFA	A	25,0		20,0	
	Hiệu suất năng lượng	EER		-	3,26		3,29	
CSPF		-	-		-			
	Đường ống kết nối	Ống lỏng / Ống hơi		Φ, mm	9.52 / 15.88			
	Môi chất lạnh	-		-	R32			
Dàn lạnh	Quạt	Loại		-	Sirocco			
		Số lượng		-	3			
		Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m³/phút	28.7 / 25.4 / 22.0			
				l/s	478 / 423 / 367			
		Áp suất tĩnh ngoài	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	mmAq	0 / 4.0 / 15.0			
				pa	0 / 39.2 / 147.1			
	Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC			
		Đầu ra		W x n	244 x 1			
	Ống nước ngưng	-		Φ, mm	VP25 (OD32 / ID25)			
	Độ ồn	Cao/ Trung Bình/ Thấp		dB(A)	36/33/30			
	Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	38,5			
		Kích thước (RxCxD)		mm	1,300x300x700			
	Bơm nước ngưng	Tùy chọn bơm ngoài		-	MDP-G075SP			
		Tùy chọn bơm trong		-	MDP-G075SQ			
Lượng nước tối đa		Lít/giờ	24					

- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Điều khiển (tùy chọn)

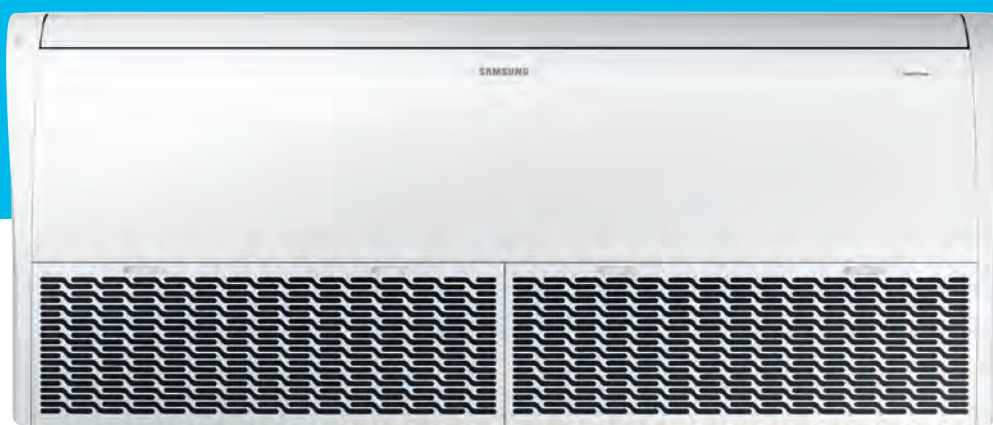
				
Điều khiển không dây	Điều khiển không dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây
AR-CH01E	AR-EC03E	MWR-WG00JN	MWR-SH11N	MWR-WE13N



AC120FEMDKF/EA		AC140FEMDKF/EA		AC160FEMDKF/EA	
(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)
AC120FCADKF/EA	AC120FCADNF/EA	AC140FCADKF/EA	AC140FCADNF/EA	AC160FCADKF/EA	AC160FCADNF/EA
3.50 / 12.10 / 15.00		4.15 / 13.80 / 16.50		4.00 / 17.60 / 20.00	
11,900 / 41,300 / 51,200		14,200 / 46,900 / 56,300		13,600 / 60,000 / 68,200	
1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60
0.80 / 4.17 / 6.50		0.85 / 4.90 / 7.25	0.85 / 4.82 / 7.25	0.93 / 5.92 / 7.80	
3.7 / 19.0 / 30.0	1.55 / 6.3 / 10.0	4.3 / 21.4 / 32.0	1.6 / 7.6 / 10.2	5.5 / 27.0 / 32.0	1.8 / 9.1 / 12.0
34,5	18,6	34,5	18,6	35,5	19,6
40,0	20,0	40,0	20,0	40,0	20,0
2,90		2,82	2,86	2,97	
-	-	-	-	-	-
9.52 / 15.88		9.52 / 15.88		9.52 / 19.05	
R32		R32		R32	
Sirocco		Sirocco		Sirocco	
3		3		2	
33.2 / 27.2 / 22.0		33.2 / 27.2 / 22.0		51.6 / 44.9 / 38.8	
553 / 453 / 367		553 / 453 / 367		860 / 748 / 647	
0 / 5.2 / 15.0		0 / 5.2 / 15.0		0 / 5.2 / 15.0	
0 / 51.0 / 147.1		0 / 51.0 / 147.1		0 / 51.0 / 147.1	
BLDC		BLDC		BLDC	
244 x 1		244 x 1		350 x 1	
VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)	
37/34/30		37/34/30		44/40/36	
38,5		38,5		53,5	
1,300x300x700		1,300x300x700		1,200x360x650	
MDP-G075SP		MDP-G075SP		-	
MDP-G075SQ		MDP-G075SQ		MDP-M075SGU2D	
24		24		24	

Áp trần

Làm mát không gian nhanh chóng và hiệu quả với điều hòa không khí áp trần của Samsung. Với luồng khí xa và mạnh mẽ để làm mát các khu vực rộng lớn trong thời gian ngắn, đồng thời yêu cầu ít số lượng dàn lạnh hơn, tiết kiệm thời gian lắp đặt và đơn giản hóa cài đặt hệ thống cho các dự án thương mại.



Làm mát mạnh mẽ cho không gian lớn

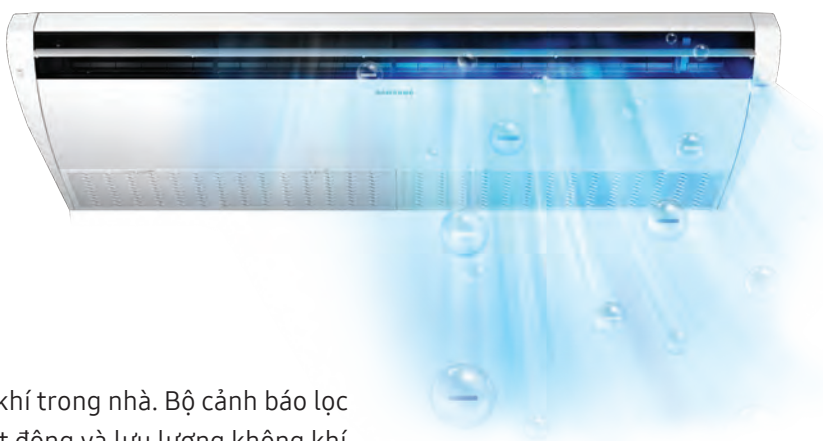
Điều hòa không khí áp trần của Samsung có thể khuếch tán gió lên đến 15 m* cho các không gian rộng lớn. Vì vậy, nó rất lý tưởng cho các khu vực sảnh, kho, hội trường, khu bán lẻ lớn, văn phòng và các cơ sở thương mại khác. Lắp đặt nhanh hơn, sử dụng năng lượng thấp hơn và giảm chi phí tổng thể.

*Dựa trên thử nghiệm nội bộ. Kết quả có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố môi trường và người dùng



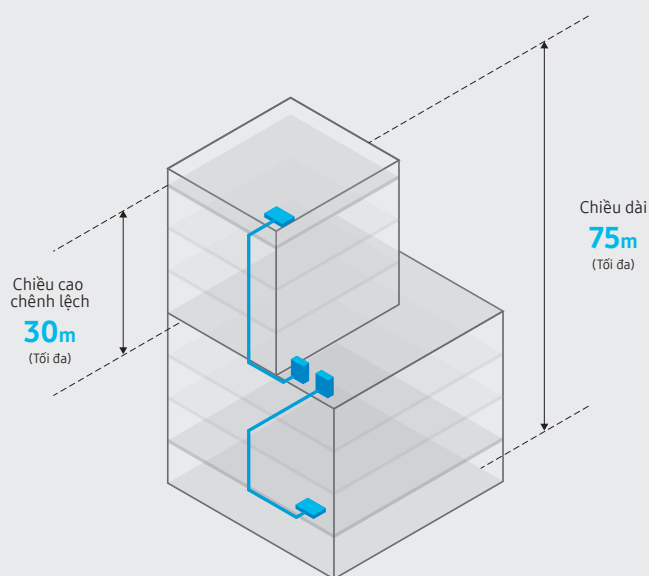
Không khí sạch, tươi mới mỗi ngày

Luôn kiểm soát chất lượng không khí trong nhà. Bộ cảnh báo lọc bụi tích hợp theo dõi thời gian hoạt động và lưu lượng không khí để tính toán chính xác khi nào bộ lọc cần được vệ sinh, đảm bảo không khí luôn sạch sẽ và hợp vệ sinh.



Giới hạn đường ống môi chất lớn

Đường ống môi chất có thể lên đến 30 m chênh lệch độ cao và 75m chiều dài giữa dàn lạnh và dàn nóng *. Điều này mang lại sự linh hoạt hơn cho việc lắp đặt trong việc thiết kế và thi công công trình.



* Chiều dài tối đa tùy thuộc vào model, vui lòng tham khảo thông số kỹ thuật chi tiết

Thông số kỹ thuật

Áp trần

Tên model				AC071FECDKF/EA	AC100FECDKF/EA		
				(1 pha)	(1 pha)	(3 pha)	
Hệ thống	Dàn nóng	-		AC071FCADKF/EA	AC100FCADKF/EA	AC100FCADNF/EA	
	Công suất lạnh	Tối thiểu / Định mức / Tối đa		kW	1.45 / 7.30 / 8.30	3.00 / 10.80 / 13.00	
				Btu/h	4,900 / 25,000 / 28,300	10,200 / 37,000 / 44,400	
	Điện	Nguồn điện		Φ,#,V,Hz	1,2,220-240,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60
		Công suất điện tiêu thụ	Tối thiểu / Định mức / Tối đa	kW	0.24 / 2.13 / 3.20	0.53 / 3.42 / 4.90	
				Cường độ dòng điện	kW	1.6 / 9.3 / 14.0	3.0 / 15.3 / 21.0
		Dòng	MCA	A	22,5	22,5	18,6
			MFA	A	25,0	25,0	20,0
	Hiệu suất năng lượng	EER		-	3,43	3,16	
		CSPF		-	5,91	5,48	-
Đường ống kết nối	Ống lỏng / Ống hơi		Φ, mm	6.35 / 15.88	9.52 / 15.88		
Môi chất lạnh	-		-	R32	R32		
Dàn lạnh	Quạt	Loại		-	Sirocco	Sirocco	
		Số lượng		-	3	4	
		Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m³/phút	20.3 / 16.5 / 12.5	25.5 / 22.1 / 18.7	
				l/s	338 / 275 / 208	425 / 368 / 312	
	Mô tơ quạt	Loại		-	BLDC	BLDC	
		Đầu ra		W x n	153 x 1	244 x 1	
	Ống nước ngưng	-		Φ, mm	VP25 (OD32 / ID25)	VP25 (OD32 / ID25)	
	Độ ồn	Cao/ Trung Bình/ Thấp		dB(A)	41/38/35	42/38/34	
	Kích thước và trọng lượng	Trọng lượng		kg	33,0	42	
		Kích thước (RxCxD)		mm	1,350x235x675	1,650x235x675	
Bơm nước ngưng	Tùy chọn bơm trong		-	MDP-F075SP	MDP-F075SP		
	Lượng nước tối đa		Lít/giờ	24	24		

- Độ ồn được đo trong phòng cách âm tiêu chuẩn và có thể khác nhau tùy vào khoảng cách và môi trường thực tế
- Các thông số kỹ thuật công bố dựa trên điều kiện thử nghiệm tiêu chuẩn
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Điều khiển (tùy chọn)

				
Điều khiển không dây	Điều khiển không dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây	Điều khiển có dây
AR-CH01E	AR-EC03E	MWR-WG00JN	MWR-SH11N	MWR-WE13N



AC120FECDFK/EA		AC140FECDFK/EA		AC160FECDFK/EA	
(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)	(1 pha)	(3 pha)
AC120FCADKF/EA	AC120FCADNF/EA	AC140FCADKF/EA	AC140FCADNF/EA	AC160FCADKF/EA	AC160FCADNF/EA
3.50 / 12.10 / 15.00		4.20 / 13.50 / 16.20		4.00 / 17.00 / 19.00	
11,900 / 41,300 / 51,200		14,300 / 46,100 / 55,300		13,600 / 58,000 / 64,800	
1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60	1,2,220-240,50/60	3,4,380-415,50/60
0.80 / 4.32 / 6.50		0.81 / 5.11 / 7.30		0.93 / 6.20 / 7.85	
3.7 / 19.7 / 30.0	1.55 / 6.5 / 10.0	4.4 / 22.4 / 32.0	1.6 / 8.0 / 10.2	6.3 / 28.3 / 32.0	2.0 / 9.6 / 12.0
34,5	18,6	34,5	18,6	35,0	19,1
40,0	20,0	40,0	20,0	40,0	20,0
2,80		2,64		2,74	
5,19	-	4,98	-	-	-
9.52 / 15.88		9.52 / 15.88		9.52 / 19.05	
R32		R32		R32	
Sirocco		Sirocco		Sirocco	
4		4		4	
28.2 / 23.5 / 19.4		32.2 / 26.8 / 22.1		35.5 / 30.8 / 26.1	
470 / 392 / 323		537 / 447 / 368		592 / 513 / 435	
BLDC		BLDC		BLDC	
244 x 1		244 x 1		244 x 1	
VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)		VP25 (OD32 / ID25)	
44/41/37		49/45/41		50/47/43	
42		42		42	
1,650x235x675		1,650x235x675		1,650x235x675	
MDP-F075SP		MDP-F075SP		MDP-F075SP	
24		24		24	

Ghi chú

Ghi chú

SAMSUNG

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ SAMSUNG HCMC CE COMPLEX- CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh: Tầng 25, tòa nhà Bitexco Financial, Số 02 đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Hà Nội: Tầng 18, tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội.

Hotline: 1800 588 889 (Dành cho khách hàng cá nhân)

Hotline: 1800 588 890 (Dành cho khách hàng doanh nghiệp)

 <https://www.samsung.com/vn/business/system-air-conditioners/>

 savina.b2bservice@samsung.com

 Samsung Viet Nam